

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/HNGĐ-ST
Ngày 13-09-2019
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Minh Út;

Bà Phạm Kim Luyện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 09 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 06 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 07 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Tuyết M, sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Hoàng Plà Luật sư thuộc đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

Địa chỉ: Số 32, H, khóm 5, phường 1, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 6 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Tuyết M trình bày yêu cầu:**

- Về hôn nhân: Bà M và ông T có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 1986, hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương. Hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Lý do xin ly hôn: Cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, bà M không nhận được sự chia sẻ và quan tâm chăm sóc của ông T, vợ chồng không cùng chung

suy nghĩ, quan niệm sống mỗi người khác nhau, ngoài ra ông T không chăm lo làm ăn, không tôn trọng và yêu thương vợ con. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên bà M yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Có hai người con.

+ Nguyễn Hồng P, sinh năm 1992 (nam);

+ Nguyễn Hồng Ph, sinh năm 1989 (nữ),

Hiện nay Hồng P và Hồng Ph đã trưởng T nên khi ly hôn bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Bà M tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà ông T không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc ông T yêu cầu ly hôn, về tài sản chung và công nợ; Đồng thời, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông T vẫn không tham gia.

Tại phiên tòa:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà M - Luật sư P trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử cho bà Nguyễn Tuyết M ly hôn với ông Nguyễn Văn T, các người con của bà M và ông T đã trưởng thành nên không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét về nuôi con chung; Về chia tài sản và công nợ thì bà M và ông T tự thỏa thuận và không yêu cầu xem xét.

Bà Nguyễn Tuyết M trình bày: Thống nhất với lời trình bày của Luật sư Phương, bà M không có yêu cầu gì thêm.

Ông Nguyễn Văn T vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Tuyết M yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T, ngoài ra không có yêu cầu khác. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Đối với ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án thông báo hợp lệ các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên xét xử sơ thẩm nhưng đều vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Văn T.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Tuyết M và ông Nguyễn Văn T có thời gian tìm hiểu và chung sống vào năm 1986, Đến ngày 30 tháng 7 năm 2004 mới lập thủ

tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau, giấy chứng nhận kết hôn số 107, quyển số 01/2004. Vì vậy quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Tuyết M và ông Nguyễn Văn T được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Quá trình chung sống giữa bà M và ông T có nhiều bất hòa không thể hàn gắn được nên bà M và ông T sống ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà M yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, ông T không có thiện chí hàn gắn hôn nhân với bà M, bởi lẽ Tòa án có tổ chức các phiên hòa giải nhưng ông T không tham gia, chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa các đương sự không còn, mâu thuẫn hôn nhân giữa bà M và ông T đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho bà M và ông T nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Tuyết M đối với ông Nguyễn Văn T theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nuôi con chung: Có hai người con tên Nguyễn Hồng P, sinh năm 1989 (nữ) và Nguyễn Hồng Ph, sinh năm 1992 (nam), hiện nay Hồng P và Hồng Ph đã trưởng thành nên khi ly hôn bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con chung và ông T cũng không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự "*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*", do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch, do bà Nguyễn Tuyết M thuộc diện người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, Điều 220, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Tuyết M ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung, chia tài sản và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về án phí: Miễn nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho bà Nguyễn Tuyết M.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền